

HỌ VÀ TÊN:
LỚP:

PHIẾU CUỐI TUẦN 11

A. Tiếng Việt

BÉ VÀ CHIM CHÍCH BÔNG

Buổi sáng, Bé dậy sớm, ngồi học bài. Dậy sớm học bài là một thói quen tốt. Nhưng phải cố gắng lắm mới có được thói quen ấy. Rét ghê. Thế mà Bé vùng dậy, chui ra khỏi cái chăn ấm. Bé ngồi học bài.

Rồi trời ấm dần. Phải rồi, khi chim sâu ra ăn đàn, thế là trời nắng ấm.

Chim sâu nhiều thế. Nó bay tràn ra vườn cải. Cả đàn ủa xuống, lúu rúu trên những luống rau trồng muộn.

Bé hỏi:

- Chích bông ơi, chích bông làm gì thế?

Chim trả lời:

-Chúng em bắt sâu.

Chim lại hỏi Bé:

-Chị Bé làm gì thế?

Bé ngẩn ra rồi nói:

- À... Bé học bài.

(Tô Hoài)

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

1. Bé dậy sớm để làm gì?

- A. Bé dậy sớm để học bài.
- B. Bé dậy sớm để tập thể dục.
- C. Bé dậy sớm để chăm sóc vườn rau.

2. Câu nào nêu sự quyết tâm, cố gắng dậy sớm của Bé?

- A. Dậy sớm học bài là một thói quen tốt.
- B. Bé vùng dậy, chui ra khỏi cái chăn ấm.
- C. Bé từ từ ngồi dậy, chui ra khỏi cái chăn ấm.

3. Chim sâu xuống vườn cải để làm gì?

- A. Chim sâu xuống vườn cải để dạo chơi.
- B. Chim sâu xuống vườn cải để bắt sâu.
- C. Chim sâu xuống vườn cải để trò chuyện với Bé.

4. Đánh số thứ tự 1, 2, 3 cho ba dòng sau theo đúng trật tự nội dung bài.

Đàn chim sâu và vườn cải.

Cuộc trò chuyện giữa Bé và chim chích bông.

Bé dậy sớm học bài.

5. Những tên nào dưới đây phù hợp với nội dung câu chuyện?

- A. Chích bông và vườn cải.
- B. Cô bé chăm học.
- C. Bé học bài.

6. Trong bài “Bé và chim chích bông” có mấy câu hỏi?

- A. 1 câu hỏi
- B. 2 câu hỏi
- C. 3 câu hỏi

7. Điền dấu câu thích hợp vào từng ô trống:

a) Bé là một người chăm học

b) Bé dậy sớm để làm gì

c) Chích bông có chăm chỉ không

d) Chích bông rất chăm chỉ

8. Nói tên đồ dùng học tập với từ ngữ chỉ đặc điểm của đồ dùng đó để tạo câu nêu đặc điểm.

Tên đồ dùng

Từ ngữ chỉ đặc điểm

Quyển vở

nhọn hoắt.

Thước kẻ

trắng tinh.

Bút chì

thẳng tắp.

9. Viết tiếp để tạo câu nêu đặc điểm:

Giá sách của em

Quyển vở